

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/01/2022

V/v: *Tranh chấp hôn và nhân gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Phương

2. Bà Nguyễn Hà Linh

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký
Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Đức Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 157/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08/10/2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Thị P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn 5M, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Chúc Đình K (tên gọi khác: Chúc Càn T), sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 5M, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn chị Lý Thị P có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Chúc Đình K vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, Biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lý Thị P trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Chúc Đình K (tên gọi khác: Chúc Càn T) được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 28/8/2002 tại UBND xã Xuân Tân, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Việc chị và anh K kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối phải kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại Thôn 5M, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng

ban đầu hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa chị và anh K không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng chung sống cùng nhau nhưng không tin tưởng nhau, không yêu thương nhau mà thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị với anh K xảy ra liên tục từ năm 2019 đến nay, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng giữa chị với anh K vẫn không hàn gắn được. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh K, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức độ căng thẳng, trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm, chăm sóc và cũng không còn quan hệ tình cảm vợ chồng nữa. Do đó chị xác định không thể đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái, phát triển kinh tế để xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ được nữa nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Chúc Đình K để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Chúc Đình K có 02 con chung là cháu Chúc Quang M, sinh ngày 26/4/2004 và cháu Chúc Quang L, sinh ngày 23/8/2007. Kể từ khi vợ chồng ly thân thì các con vẫn sống cùng chị nên sau khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Chị không yêu cầu anh Chúc Đình K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Chị và anh Chúc Đình K có một số tài sản chung, đất đai chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh Chúc Đình K không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Lý Thị P vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, chị P xác định đã nhận được Thông báo về việc tham gia phiên họp việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án gửi cho chị. Tuy nhiên hiện nay do chị đang đi làm công nhân tại tỉnh Hải Dương, do tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp nên việc đi lại gặp nhiều khó khăn, đồng thời do anh Chúc Đình K cũng không đến Tòa án làm việc nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục mở phiên họp việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đề nghị Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị với anh K theo quy định của pháp luật. Chị đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn anh Chúc Đình K không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và không có ý kiến gì đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị P.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Thôn 5M, xã H và tại UBND xã H, huyện Hàm Yên được cung cấp thông tin:

Anh Chúc Đình K (tên gọi khác: Chúc Càn T) và chị Lý Thị P là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 5M, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Chúc Đình K có hai tên gọi là Chúc Đình K và Chúc Càn T (tức Chúc Đình K và Chúc Càn T đều là cùng một người và đều là anh Chúc Đình K). Chị P và anh K kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Quá trình chung sống giữa anh chị thời gian đầu hạnh phúc bình thường, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên do anh chị chưa báo cáo chính quyền địa phương nên đại diện thôn xã chưa tiến hành hoà giải về tình cảm vợ chồng cho anh chị lần nào. Thực tế vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Anh K thường xuyên đi làm ăn xa nhà, anh K đi đâu làm gì, địa chỉ cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được, tuy nhiên thì thoảng anh K có về địa phương ở lại thăm gia đình vài ngày rồi lại đi làm luôn, anh K vẫn thực hiện các nghĩa vụ công dân đối với thôn, xã bình thường. Đồng thời đại diện Thôn 5M, xã H và UBND xã H, huyện Y cũng xác định: Địa phương đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 157/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2021 và các văn bản tố tụng khác của Tòa án về việc giải quyết ly hôn giữa chị P và anh K, do Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên gửi địa phương tổng đạt cho anh K theo quy định của pháp luật. Nay chị P làm đơn xin ly hôn với anh K, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Chúc Quang M và cháu Chúc Quang L là con chung của chị P và anh K, thể hiện: Trong quá trình chung sống giữa hai bố mẹ thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Sau đó bố các cháu bỏ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà nhưng vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại với các cháu. Khi mẹ các cháu làm đơn khởi kiện xin ly hôn với bố thì Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và yêu cầu bố các cháu đến Tòa án làm việc. Các cháu có gọi điện thoại thông báo cho bố biết, nhưng bố nói là đang bận đi làm ăn xa nên không thể về để đến Tòa án làm việc được. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp bố mẹ ly hôn thì cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ, vì kể từ khi bố mẹ sống ly thân, bố bỏ đi làm ăn xa thì các cháu vẫn sống cùng với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn chị Lý Thị P thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Chúc Đình K chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Thị P:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lý Thị P được ly hôn với anh Chúc Đình K (Chúc Càn T).

+ Về con chung: Giao cả hai con chung là cháu Chúc Quang M, sinh ngày 26/4/2004 và cháu Chúc Quang L, sinh ngày 23/8/2007 cho chị Lý Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Chúc Đình K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai chung: Chị P xác định giữa chị và anh K có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh K không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với việc phân chia tài sản chung khi ly hôn, do đó đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về vay nợ chung: Qua lời khai của nguyên đơn và qua xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng chị P, anh K không có vay nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Lý Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Lý Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Chúc Đình K (tên gọi khác: Chúc Càn T), do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Chúc Đình K có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn 5M, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của các đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị P thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Chúc Đình K chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại gia đình và địa phương cho thấy bị đơn anh Chúc Đình K (Chúc Càn T) có hộ khẩu thường trú tại Thôn 5M, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn chị Lý Thị P đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn anh Chúc Đình K (Chúc Càn T). Anh K đi làm ăn xa nhưng không thông báo tạm trú, tạm vắng cho chính quyền địa

phương biết, thỉnh thoảng vẫn về nhà và vẫn liên lạc với gia đình nhưng không thông báo địa chỉ mới nên gia đình và địa phương không rõ anh K hiện đang làm gì, ở đâu. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù anh K đã biết được việc chị P khởi kiện xin ly hôn với anh K, nhưng anh K không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh K đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che dấu địa chỉ, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt do vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị P và anh Chúc Đình K (tên gọi khác: Chúc Càn T) kết hôn với nhau từ năm 2002, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, không bị ép buộc hay lừa dối phải kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Tân, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 28/8/2002. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị ở nhà riêng tại Thôn 5M, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang từ đó cho đến nay. Cuộc sống chung của hai vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp về tính cách, chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế gia đình, thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau, vợ chồng chung sống cùng nhau nhưng không tin tưởng nhau, không yêu thương, chăm sóc nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng căng thẳng không thể hàn gắn dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, không còn quan hệ vợ chồng gì với nhau nữa. Trong thời gia sống ly thân, vợ chồng không có sự hỏi thăm, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh K đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Lý Thị P được ly hôn với anh Chúc Đình K (Chúc Càn T) là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Lý Thị P, anh Chúc Đình K có 02 con chung là cháu Chúc Quang M, sinh ngày 26/4/2004 và cháu Chúc Quang L, sinh ngày 23/8/2007. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân các con chung vẫn sống cùng chị Phin. Quá trình giải quyết vụ án chị P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Ngoài ra, cả hai cháu Chúc Quang M và Chúc Quang L cũng đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Do đó HĐXX giao cả

hai con chung là cháu Chúc Quang M và cháu Chúc Quang L cho chị Lý Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Chúc Đình K không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản chung, đất đai chung: Chị P xác định giữa chị và anh K có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh K không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với việc phân chia tài sản chung khi ly hôn, do đó HĐXX không xem xét. Trường hợp các bên phát sinh tranh chấp về việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

* Về vay nợ chung: Qua lời khai của nguyên đơn và qua xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng chị P, anh K không có vay nợ chung; anh K không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với việc giải quyết vay nợ chung khi ly hôn, do đó HĐXX không xem xét. Trường hợp các bên phát sinh tranh chấp về vay nợ chung trong thời kỳ hôn nhân sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Lý Thị P phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn anh Chúc Đình K không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lý Thị P được ly hôn với anh Chúc Đình K (tên gọi khác: Chúc Càn T).

2. Về con chung: Giao cháu Chúc Quang M, sinh ngày 26/4/2004 và cháu Chúc Quang L, sinh ngày 23/8/2007 cho chị Lý Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Chúc Đình K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Lý Thị P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0004518 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Chị Lý Thị P đã nộp đủ tiền án phí.

Bị đơn anh Chúc Đình K không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Lý Thị P và bị đơn anh Chúc Đình K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San